

Số: 145a/TTr-UBND

Tân Dân, ngày 30 tháng 9 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn dự án: Trường THCS Tân Dân

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khoái Châu;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí Quy hoạch xây dựng và Quy hoạch đô thị;

Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 ban hành QCVN01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Tân Dân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nhà hiệu bộ, lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THCS Tân Dân;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của UBND xã Tân Dân về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư dự án Nhà hiệu bộ, lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THCS Tân Dân;

Căn cứ Quyết định số 13a/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND xã Tân Dân về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Giai đoạn chuẩn bị đầu tư) dự án Nhà hiệu bộ, lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THCS Tân Dân;

Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 12/03/2024 của UBND xã Tân Dân về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị tư vấn lập Đồ án quy hoạch chi tiết rút gọn: Trường THCS Tân Dân;

Căn cứ Công văn số 1601/SXD-QH,KT&PTĐT ngày 25/9/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc thống nhất phương án quy hoạch chi tiết rút gọn các công trình trên địa bàn huyện Khoái Châu;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

Ủy ban nhân dân xã Tân Dân kính trình UBND huyện Khoái Châu, phòng kinh tế và hạ tầng thẩm định, phê duyệt đồ án và dự toán Quy hoạch chi tiết rút gọn: Trường THCS Tân Dân với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: “Quy hoạch chi tiết rút gọn: Trường THCS Tân Dân” tại xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Phạm vi ranh giới và quy mô quy hoạch xây dựng

Khu đất lập Đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn: Trường THCS Tân Dân nằm trong khuôn viên trường THCS Tân Dân thuộc địa bàn quản lý của xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Vị trí cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp: Đường Bê tông xi măng;
- + Phía Nam giáp: Mương đất;
- + Phía Đông giáp: Đất nông nghiệp;
- + Phía Tây giáp: Đường đất và ao hồ;
- Diện tích lập quy hoạch: 7.771 m²

- Diện tích nghiên cứu, lập quy hoạch theo trích lục, khoảng : 7.771 m². Trong đó:
- + Diện tích đất DGD: 7.771 m²;

3. Tính chất và mục tiêu quy hoạch

a. Mục tiêu:

Đầu tư xây dựng nhằm đáp ứng cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy các con em và môi trường làm việc cho tập thể giáo viên trong trường.

Việc xây mới công trình nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đáp ứng nhu cầu học tập giảng dạy, góp phần thay đổi diện mạo mới của địa phương, làm cho xã Tân Dân ngày càng giàu đẹp, văn minh hơn

Lập kế hoạch khai thác và quản lý sử dụng công trình một cách hợp lý, tạo lập môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan phù hợp với sự phát triển của khu vực.

Làm động lực thúc đẩy quá trình đô thị hóa địa phương, giải quyết vấn đề sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân, làm tăng trưởng kinh tế - xã hội trong khu vực.

Đồ án quy hoạch chi tiết rút gọn được duyệt làm cơ sở để chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý xây dựng tại địa phương quản lý xây dựng theo quy hoạch.

b. Tính chất:

Dự án là công trình với chức năng giáo dục nhằm đáp ứng cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy các con em và môi trường làm việc cho tập thể giáo viên trong trường.

4. Quy hoạch sử dụng đất

Stt	Chức năng lô đất	Ký hiệu	Chiều cao tối đa (m)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình	CT	12,3	2.005	25,8
II	Đất sân đường nội bộ, cây xanh	SĐ-CX	-	5.766	74,2
	Tổng cộng			7.771	100,00

5. Phân khu chức năng

Toàn bộ khu đất có diện tích 7.771 m², được phân thành các khu chức năng sau:

* Đất xây dựng công trình:

- Diện tích 2.005 m² và chiếm 25,8%

* Đất sân đường nội bộ, cây xanh:

- Diện tích 5.766 m² và chiếm 74,2%

6. Quy hoạch xây dựng công trình

6.1. Nhà hiệu bộ

a, Cơ sở thiết kế:

- Căn cứ các tiêu chuẩn thiết kế, quy chuẩn thiết kế đối với công trình dân dụng đã nêu tại Chương 2.

b, Quy mô:

Nhà hiệu bộ 3 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 662,58 m²;

c, Giải pháp kỹ thuật:

Sử dụng phương án móng cọc BTCT đá 1x2 mác 200#, tiết diện cọc 250x250 đúc sẵn. Đài cọc, dầm móng đồ BTCT mác 250# đá 1x2cm, lót móng bằng bê tông đá 2x4cm mác 100 dày 10 cm (Phương án móng có thể thay đổi sau khi có kết quả khảo sát địa chất thực tế). Tường cổ móng xây gạch không nung đặc, dầm, sàn bằng hệ khung bê tông cốt thép toàn khối cấp độ bền B20 (M250). Tường bao che, ngăn phòng xây gạch không nung, trát VXM M75#, hoàn thiện bằng sơn 3 lớp, 1 nước lót, 2 nước phủ. Nền sàn lát gạch Granite KT: 600x600 mm, khu vệ sinh lát gạch Granite chống trơn KT: 300x300 mm, tường ốp gạch Granite KT: 300x600mm. Mái xây tường gạch thu hồi, xà gồ thép hình sơn chống gỉ, lợp mái bằng tôn LD sóng vuông, dày 0,42mm màu đỏ đậm. Lan can sắt hộp sơn tĩnh điện. Cửa đi, cửa sổ, vách kính bằng nhôm hệ. Hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy theo tiêu chuẩn hiện hành

6.2. Nhà lớp học

a, Cơ sở thiết kế:

- Căn cứ các tiêu chuẩn thiết kế, quy chuẩn thiết kế đối với công trình dân dụng đã nêu tại Chương 2.

b, Quy mô:

Nhà lớp học bộ môn 03 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 1.239,3 m².

c, Giải pháp kỹ thuật:

Sử dụng phương án móng cọc BTCT đá 1x2 mác 200#, tiết diện cọc 250x250 đúc sẵn. Đài cọc, dầm móng đồ BTCT mác 250# đá 1x2cm, lót móng bằng bê tông đá 2x4cm mác 100 dày 10 cm (Phương án móng có thể thay đổi sau khi có kết quả khảo sát địa chất thực tế). Tường cổ móng xây gạch không nung đặc, dầm, sàn bằng hệ khung bê tông cốt thép toàn khối cấp độ bền B20 (M250). Tường bao che, ngăn phòng xây gạch không nung, trát VXM M75#, hoàn thiện bằng sơn 3 lớp, 1 nước lót, 2 nước phủ. Nền sàn lát gạch Granite KT: 600x600 mm, khu vệ sinh lát gạch Granite chống trơn KT: 300x300 mm, tường ốp gạch Granite KT: 300x600mm. Mái xây tường gạch thu hồi, xà gồ thép hình sơn chống gỉ, lợp mái bằng tôn LD sóng vuông, dày 0,42mm màu đỏ đậm. Lan can sắt hộp sơn tĩnh điện. Cửa đi, cửa sổ, vách kính bằng nhôm hệ. Hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy theo tiêu chuẩn hiện hành

6.3. Các hạng mục phụ trợ

a, Cơ sở thiết kế:

- Căn cứ các tiêu chuẩn thiết kế, quy chuẩn thiết kế đối với công trình dân dụng đã nêu tại Chương 2.

b, Quy mô:

Rãnh thoát nước, hố ga thoát nước: Xây mới khoảng 210m rãnh thoát nước; khoảng 10 hố ga thoát nước;

Một số hạng mục phụ trợ khác;

c, Giải pháp kỹ thuật:

Rãnh thoát nước, hố ga thoát nước: Xây mới khoảng 210m rãnh thoát nước;

khoảng 10 hố ga thoát nước;

Một số hạng mục phụ trợ khác;

7. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường

7.1. Quy hoạch giao thông

a. Cơ sở thiết kế:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng.

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 104:2007 - Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.

- Tiêu chuẩn ngành 22TCN 211:2006 - Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

b. Định hướng giao thông:

- Thiết kế quy hoạch giao thông trong khu vực đảm bảo liên hệ thuận tiện giữa khu vực với bên ngoài, giữa các khu chức năng với nhau, đảm bảo mỹ quan khu quy hoạch và các tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật.

- Đảm bảo an toàn cho người và phương tiện trong quá trình sử dụng.

- Đấu nối thuận tiện với mạng giao thông bên ngoài.

- Khai thác triệt để hệ thống giao thông đối ngoại.

- Tạo nên mối quan hệ đồng bộ thích hợp giữa giao thông đối nội và đối ngoại nhằm đảm bảo tốt sự liên hệ giữa khu quy hoạch với các vùng phụ cận và các đô thị bên ngoài.

c. Định hướng giao thông đối ngoại:

- Phía Bắc giáp đường trục xã.

d. Định hướng giao thông đối nội:

- Cao độ sân đường nội bộ thiết kế căn cứ cao độ của đường xung quanh khu vực, cao độ đường liên xã và cao độ quy hoạch san nền trong khu.

e. Giải pháp kết cấu:

- Hệ thống sân đường giao thông nội bộ được thiết kế mới phù hợp với chức năng sử dụng. Kết cấu mặt sân đường sử dụng là bê tông đá 2x4 mác 200.

Ghi chú: Các giải pháp kết cấu này có thể thay đổi khi tiến hành lập bản vẽ thi công.

f. Cắm mốc, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng:

- Các điểm ranh giới khu đất và mốc được thể hiện trong mặt bằng tổng thể hiện trạng khu đất QH-01.

- Tọa độ X và Y và cao độ của các mốc thiết kế được tính toán trên lưới tọa độ của bản đồ đo đạc. (Nội dung chi tiết được nghiên cứu trong giai đoạn lập hồ sơ cắm mốc ngoài hiện trường).

7.2. Chuẩn bị kỹ thuật, san nền

a. Các yêu cầu chung:

- Quy hoạch san đắp nền phải đảm bảo không ngập úng.
- Tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đào đắp và hạn chế chiều cao đất đắp.
- Phải đảm bảo thoát nước mưa trên toàn lưu vực, kết hợp với hệ thống thủy lợi. Đảm bảo thoát nước tự chảy.

b. Giải pháp quy hoạch chiều cao và san nền:

- Cao độ không chế khu vực: Căn cứ vào hiện trạng và quy hoạch hệ thống tiêu thoát nước trong khu vực, căn cứ nghiên cứu thủy văn diện rộng cho khu quy hoạch và hiện trạng nền xây dựng trong khu vực nghiên cứu.

7.3. Phương án thoát nước mưa

a. Các tiêu chuẩn áp dụng

- Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài (Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2008).
- Thoát nước bên trong - tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 4474 - 87;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCXD 01: 2021/BXD;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN07: 2016/BXD

b. Tính toán mạng lưới thoát nước mưa

- Lưu lượng tính toán công thoát nước theo công thức:

$$Q = \varphi \times q \times F \text{ (lít/s)}$$

Trong đó

+ φ là Hệ số dòng chảy phụ thuộc vào mặt phủ được xác định bằng công thức tính hệ số dòng chảy trung bình

$$\varphi_{tb} = \frac{(\varphi_1 \times F_1 + \varphi_2 \times F_2 + \dots + \varphi_n \times F_n)}{F_1 + F_2 + \dots + F_n}$$

Trong đó:

- + F_1, F_2, \dots, F_n : Diện tích từng khu vực có mặt phủ (%)
- + $\varphi_1, \varphi_2, \dots, \varphi_n$: Hệ số dòng chảy của từng khu vực có mặt phủ
- + Mái nhà, đường bê tông nhựa $\varphi = 0,95$
- + Đường sỏi, sân vườn $\varphi = 0,3$
- + Mặt đất không có lớp phủ $\varphi = 0,2$
- + Cây xanh, thảm cỏ $\varphi = 0,1$
- q : Cường độ mưa (l/s.ha) : Áp dụng công thức tính toán cường độ mưa theo tiêu chuẩn thiết kế TCXDVN 7957-2008/BXD thoát nước - mạng lưới và các công trình bên ngoài.

$$q = \frac{A(1 + C \lg P)}{(t + b)^n}$$

Trong đó:

+ q : cường độ mưa (l/s/ha)

+ P : Chu kỳ lặp lại mưa (theo tính chất và vị trí khu quy hoạch chọn $P = 1-2$)

+ t : thời gian dòng chảy mưa (phút)

c. Nguyên tắc thiết kế

- Thiết kế mạng lưới thoát nước đảm bảo trên nguyên tắc tự chảy.

- Đảm bảo tính kinh tế với chiều dài các tuyến cống, rãnh là ngắn nhất.

- Hạn chế phát sinh giao cắt giữa hệ thống thoát nước với các công trình ngầm khác trong quá trình vạch mạng lưới.

- Độ dốc rãnh thoát nước cố gắng bám sát địa hình để giảm độ sâu chôn rãnh, giảm khối lượng đào đắp xây dựng rãnh.

d. Giải pháp thiết kế

- Rãnh thoát nước được sử dụng là rãnh bê tông xi măng B300, rãnh được bố trí dọc theo dự án.

- Thiết kế đường rãnh thoát nước theo nguyên tắc tự chảy đảm bảo thoát nước triệt để, sau đó được đầu nối với hệ thống thoát nước thải quanh các công trình.

- Cos rãnh thoát nước mưa đặt bằng cos sân đường hoàn thiện.

- Khoảng cách các hố ga thu $d \leq 50m$, ga thăm được bố trí ở nơi giao cắt giữa các tuyến cống, đường cống chuyển hướng, thay đổi độ dốc hoặc thay đổi đường kính.

- Độ dốc rãnh thoát nước mưa $i = 0,6\%$.

- Toàn bộ lượng nước mưa được thoát ra ao hiện trạng phía Đông dự án. Kết nối 1 điểm đầu nối thoát nước tại trục đường giao thông phía Đông dự án.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện

a. Cơ sở, căn cứ lập quy hoạch

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, quy hoạch xây dựng QCVN 01: 2021/BXD;

- TCVN 9207:2012 - Tiêu chuẩn thiết kế đặt đường dây điện công trình công cộng.

- TCVN 9206:2012 - Tiêu chuẩn thiết kế đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng;

b. Quy hoạch cấp điện

- Căn cứ theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01: 2021/BXD, chỉ tiêu cấp điện như sau:

+ Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt (theo người): 330W/người

+ Chiếu sáng đường phố: 1,2W/m²

+ Chiếu sáng khu cây xanh, bãi đỗ xe: 0,5W/m²

- Vị trí lấy điện dự kiến tại cột điện gần trường mầm non, được đi ngầm cấp điện đến từng tòa nhà trong công trình;

- Cáp ngầm xuất tuyến trực chính sử dụng cáp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC: 3x35 + 1x25mm² được luồn trong ống HDPE D105/80 đến các công trình trong dự án;
- Hào cáp được thiết kế đảm bảo chiều sâu hào cáp lớn hơn hoặc bằng 0,8m so với cos hoàn thiện phía trên rải gạch đặc đất sét nung đặc và băng bảo hiệu cáp, dọc tuyến bố trí mốc báo hiệu cáp và hướng chỉ dẫn hướng đi cáp ngầm.

7.5. Phương án thiết kế cấp nước sinh hoạt

a. Cơ sở thiết kế

- Tiêu chuẩn 2622-1995 phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình;
- Tiêu chuẩn 6379-1998 Thiết bị chữa cháy, trụ nước chữa cháy, yêu cầu kỹ thuật;
- Tiêu chuẩn thiết kế mạng lưới cấp nước ngoài nhà: TCXDVN 33 - 2006;
- Cấp nước bên trong - tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 4513 - 1988;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN07: 2016/BXD;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình QCVN06: 2020/BXD.

b. Giải pháp thiết kế

- Nguồn nước
 - + Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ hệ thống cấp nước sinh hoạt cho khu dân cư gần trường mầm non, đi ngầm cấp nước đến từng hạng mục công trình.
- Phương án cấp nước
 - + Đường ống cấp nước sử dụng ống HDPE D25 đến từng hạng mục trong dự án. Đường ống được chôn ngầm đảm bảo chiều sâu hào cáp lớn hơn hoặc bằng 0,5m so với cos hoàn thiện.
 - + Van khóa tổng đặt tại vị trí sau nhà lớp học 2 tầng phía Nam dự án, các van phụ đặt tại các điểm chờ cấp nước tới từng công trình, đảm bảo cho việc cấp nước cho các đối tượng sử dụng được liên tục hoặc phục vụ thuận lợi cho công tác bảo dưỡng, bảo trì cũng như sửa chữa sau này.

7.6. Phương án thoát nước thải và vệ sinh môi trường

7.6.1. Phương án thoát nước thải

a. Cơ sở thiết kế

- Tiêu chuẩn thiết kế mạng lưới thoát nước ngoài nhà: TCXD 7957 - 2008;
- Thoát nước bên trong - tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 4474 - 87;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCXD 01: 2021/BXD;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN07: 2016/BXD.

b. Giải pháp thiết kế

- Phương án thoát nước thải
 - + Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt trong công trình thông qua bể phốt tự hoại rồi thải ra rãnh thoát nước B300.

+ Thoát nước mưa, nước mặt thông qua hố ga và nắp đan rãnh hở, thiết kế theo nguyên tắc tự chảy đảm bảo thoát nước triệt để, sau đó đầu nối với hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Giải pháp thoát nước thải

+ Nước thải khu vực quy hoạch được thu gom bằng rãnh D300.

+ Độ dốc của rãnh thoát nước được thiết kế sao cho vận tốc nước thải đủ lớn để đảm bảo khả năng tự làm sạch của rãnh.

8. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt: **UBND huyện Khoái Châu;**

- Cơ quan thẩm định: **phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Khoái Châu;**

- Chủ đầu tư: **UBND xã Tân Dân;**

- Đơn vị tư vấn: **Công ty cổ phần tư vấn xây dựng ECO3.**

9. Kết luận và kiến nghị

Đồ án quy hoạch chi tiết rút gọn: Trường THCS Tân Dân được duyệt sẽ từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đáp ứng nhu cầu học tập giảng dạy, góp phần thay đổi diện mạo mới của địa phương, làm cho xã Tân Dân ngày càng giàu đẹp, văn minh hơn.

Để dự án sớm được triển khai, UBND xã Tân Dân kính đề nghị UBND huyện Khoái Châu, Phòng Kinh tế và hạ tầng xem xét, chấp thuận và phê duyệt Đồ án và dự toán Quy hoạch chi tiết rút gọn: **Trường THCS Tân Dân** làm cơ sở để chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo./.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

Đỗ Xuân Huân